TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH31701525	Lê Đại Trường	An	D17_DDT01																						5.24	4.25	5.67	6.00	5.68	0.00	6.22	5.72	87/108	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
2	DH31700301	Nguyễn Huy Trường	Anh	D17_DDT01																						5.05	1.08		0.43	0.48		0.00	1.43	18/108	8/46	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
3	DH31700128	Nguyễn Hoàng	Cường	D17_DDT01																						6.95	6.63		7.16	7.12		7.74	7.09	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
4	DH31701290	Đường Anh	Duy	D17_DDT01																						6.67	5.88		6.11	6.60	8.00	6.32	6.50	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
5	DH31700424	Lê Thành	Đại	D17_DDT01																						7.52	7.25		7.53	6.88		7.68	7.34	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
6	DH31701053	Nguyễn Hồng	Đức	D17_DDT01																						7.14	7.00		6.79	6.84		6.58	6.88	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
7	DH31701200	Nguyễn Mạnh	Đức	D17_DDT01																						5.00	3.42		5.32	5.68	4.00	5.86	5.14	86/108	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
8	DH31700447	Lê Văn	Giàu	D17_DDT01																						7.48	7.67		7.37	6.28		6.74	7.09	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
9	DH31701281	Trương Đỗ Nhật	Hoàng	D17_DDT01																						7.05	5.92		5.63	5.00		5.18	5.78	96/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
10	DH31701555	Nguyễn Phước	Khang	D17_DDT01																						5.38	5.33	7.00	6.79	7.00	8.00	6.84	6.49	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
11	DH31702953	Nguyễn Quang	Linh	D17_DDT01																						4.86	4.08		4.63	4.46	3.69	4.75	4.76	72/108	32/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
12	DH31700130	Trần Văn	Nghĩa	D17_DDT01																						6.19	6.04		6.68	6.56		6.69	6.63	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
13	DH31609017	Đỗ Văn	Phát	D17_DDT01																						6.17	6.92		6.19	6.16		6.58	6.55	101/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
14	DH31700023	Giang Mẫn	Phong	D17_DDT01																						7.10	6.54		6.00	6.68		6.79	6.63	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
15	DH31700545	Nguyễn Thạch	Phú	D17_DDT01																						7.00	6.50		6.79	6.92		6.53	6.75	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
16	DH31701782	Sú Mai	Quang	D17_DDT01																						6.14	4.04		6.00	5.86	7.00	6.68	5.92	90/108	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
17	DH31701586	Huỳnh Nguyễn Tuấn	Sang	D17_DDT01																						7.43	7.25		7.37	7.08		7.63	7.33	107/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
18	DH31701372	Nguyễn Văn	Sơn	D17_DDT01																						4.57	2.96		4.58	4.62	3.50	5.11	4.62	65/108	31/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
19	DH31700488	Đặng Trung	Tài	D17_DDT01																						4.38	0.50		5.63	2.64		0.00	2.48	32/108	17/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
20	DH31700444	Võ Văn	Thăng	D17_DDT01																						6.05	5.17		4.95	5.08	5.00	4.88	5.38	82/108	35/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
21	DH31704400	Phạm Minh	Trung	D17_DDT01																						6.71	4.54		5.68	4.76	5.00	4.90	5.44	82/108	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
22	DH31701237	Huỳnh Nguyễn Gia	Tuấn	D17_DDT01																						6.00	4.13		5.32	5.60	4.00	6.39	5.75	87/108	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
23	DH31601406	Phạm Minh	Tuấn	D17_DDT01																			5.19	4.57	2.00	4.11	4.60		0.35			5.92	4.10	55/108	26/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
24	DH31700864	Lê Phạm Ngọc	Tùng	D17_DDT01																						6.29	5.25		5.68	5.72	7.00	5.84	5.89	103/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
25	DH31703058	Huỳnh Phúc	An	D17_DDT02																						5.38	5.79	10.00	6.21	6.28		5.79	6.08	95/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
26	DH31702498	Phạm Phan Quốc	Bảo	D17_DDT02																						7.62	6.71		5.53	5.88		6.09	6.52	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
27	DH31702293	Đinh Nguyễn	Châu	D17_DDT02																						5.00	4.42	3.86	6.11	2.28		3.89	4.32	56/108	28/46	CCHV_2	NoHP	DKMH	DC	DH17
28	DH31702026	Nguyễn Quốc	Cường	D17_DDT02																						4.24	2.79	6.14	5.58	4.64		5.59	4.81	63/108	30/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
29	DH31702142	Trần Văn	Cường	D17_DDT02																						6.14	5.42		5.84	5.00		5.21	5.59	92/108	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
30	DH31701937	Châu Chí	Dũng	D17_DDT02																						5.48	4.75		5.63	5.44		5.63	5.36	86/108	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
31	DH31701446	Hồ Bửu	Điền	D17_DDT02																						6.86	7.00		7.58	7.20		7.58	7.22	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
32	DH31702349	Lương Giang	Điền	D17_DDT02																						3.00	2.63	6.09	4.88	5.07	4.00	5.54	5.19	75/108	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
33	DH31701783	Nguyễn Quang	Huy	D17_DDT02																						5.43	4.00	7.00	5.47	5.84		5.68	5.34	81/108	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
34	DH31702316	Trần Quốc	Huy	D17_DDT02																						5.48	3.58		4.89	5.72	6.09	6.32	5.64	96/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
35	DH31701993	Lê Minh	Khánh	D17_DDT02																						4.14	3.50	5.57	5.74	5.14	6.00	5.04	5.32	86/108	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
36	DH31702703	Phạm Huỳnh	Khánh	D17_DDT02																						5.57	4.75	7.00	5.68	5.76	5.50	6.04	6.00	101/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
37	DH31700509	Lê Đức	Mạnh	D17_DDT02																						5.33	4.00	5.80	5.32	4.72	5.50	5.44	5.44	92/108	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
38	DH31702274	Nguyễn Duy	Phi	D17_DDT02																						6.67	5.13	7.00	6.16	5.90	5.00	5.53	6.02	99/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
39	DH31701825	Nguyễn Thanh	Sơn	D17_DDT02																						5.19	3.92		5.42	5.52		6.05	5.18	77/108	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
40	DH31701456	Huỳnh Tấn	Sỹ	D17_DDT02																						5.43	5.17	7.00	6.16	6.19	6.50	7.00	6.37	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
41	DH31701895	Nguyễn Trọng	Tâm	D17_DDT02																						5.76	4.96		6.37	5.60		6.47	5.78	90/108	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
42	DH31702887	Nguyễn Nhật	Tân	D17_DDT02																						4.86	4.04	6.67	5.58	5.89	6.00	5.58	5.84	97/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
43	DH31701850	Đặng Minh	Thông	D17_DDT02																						4.38	3.63		4.42	5.18	5.13	5.36	5.18	89/108	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
44	DH31702437	Nguyễn Hoàng	Thương	D17_DDT02																						4.19	3.50	6.43	5.43	5.17	4.00	5.05	5.20	78/108	35/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
45	DH31702250	Đặng Minh	Toàn	D17_DDT02																						6.33	5.08		6.16	5.69		7.29	6.14	94/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																												TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
46	DH31702296	Nguyễn Phan Hiếu	Trọng	D17_DDT02																						3.71	3.75	7.57	5.92	5.86	6.00	7.45	6.31	100/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
47	DH31702428	Lương Anh	Tuấn	D17_DDT02																						5.19	4.46	6.80	5.95	5.32	6.50	5.36	5.90	91/108	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
48	DH31702493	Nguyễn Đông	Tùng	D17_DDT02																						6.10	3.71		5.42	5.27		5.47	5.17	72/108	33/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
49	DH31700094	Nguyễn Quý Thiên	Bằng	D17_DDT03																						5.29	4.00	4.40	5.21	5.80	7.00	6.52	5.91	93/108	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
50	DH31703129	Trương Thanh	Bình	D17_DDT03																						5.38	5.04		5.79	5.60		6.58	5.64	85/108	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
51	DH31703170	Dương Chí	Chiến	D17_DDT03																						6.14	5.33		6.16	6.00	6.00	6.74	6.24	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
52	DH31703261	Lê Thị Mỹ	Duyên	D17_DDT03																						6.95	6.63		6.42	6.32		7.36	6.81	107/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
53	DH31703283	Nguyễn Quốc	Đăng	D17_DDT03																						5.81	5.71		6.32	6.11	6.00	7.52	6.69	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
54	DH31703285	Đỗ Tiến	Đức	D17_DDT03																						5.05	3.08		6.00	5.34	3.00	6.89	5.54	87/108	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
55	DH31703393	Lê Viết	Hiếu	D17_DDT03																						6.57	7.04	7.00	7.11	6.92		7.95	7.26	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
56	DH31703464	Bạch Phi	Hùng	D17_DDT03																						5.33	5.08	5.00	5.53	5.56	5.50	6.23	5.82	104/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
57	DH31703510	Nguyễn Hữu Gia	Hưng	D17_DDT03																						6.81	6.21		7.37	5.96		7.05	6.76	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
58	DH31702923	Trần Ngọc	Hữu	D17_DDT03																						6.48	6.54		6.68	6.44		6.82	6.73	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
59	DH31703527	Nguyễn Đình	Kha	D17_DDT03																						5.52	5.50	6.20	5.84	5.80	5.50	6.63	6.05	97/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
60	DH31702910	Dương Quốc	Khánh	D17_DDT03																						6.05	5.17	7.00	6.74	5.58		6.74	6.07	100/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
61	DH31703023	Nguyễn Minh	Khánh	D17_DDT03																						5.62	5.08	6.00	6.79	5.77	5.50	6.26	6.07	103/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
62	DH31703543	Nguyễn Quốc	Khánh	D17_DDT03																						6.38	5.50		6.58	6.46	7.00	7.32	6.65	101/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
63	DH31703586	Phan Trọng	Khương	D17_DDT03																						6.24	4.46		6.05	5.17	6.40	6.16	6.02	102/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
64	DH31702905	Đào Tuấn	Kiệt	D17_DDT03																						4.29	4.92	5.43	5.59	5.28	5.50	5.91	5.73	96/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
65	DH31703669	Nguyễn Hải	Long	D17_DDT03																						2.76	3.25	4.67	4.89	3.96	5.50	4.52	4.81	84/108	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
66	DH31700618	Phan Trung	Lộc	D17_DDT03																						5.52	5.00	5.00	6.26	5.83	6.00	6.47	6.08	104/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
67	DH31703624	Lưu Quán	Lợi	D17_DDT03																						5.29	5.54	6.00	5.05	5.28	7.00	5.67	5.84	101/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
68	DH31703684	Nguyễn Hoàng	Luân	D17_DDT03																						7.81	7.38		7.47	6.56		7.79	7.36	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
69	DH31703687	Nguyễn Thành	Luân	D17_DDT03																						6.10	5.96	6.00	6.84	6.48	6.50	6.63	6.66	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
70	DH31703711	Huỳnh Nguyễn Quang	Mão	D17_DDT03																						5.52	5.21	5.00	5.21	5.10	7.00	6.24	5.98	100/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
71	DH31703010	Lê Anh	Minh	D17_DDT03																						4.29	3.38	5.43	5.50	4.75	5.00	5.68	5.16	85/108	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
72	DH31703812	Lê Trung	Nghĩa	D17_DDT03																						5.24	5.96	6.33	5.58	5.15		5.38	5.71	98/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
73	DH31700438	Phạm Thị Kim	Ngọc	D17_DDT03																						7.33	6.25		7.16	6.96		8.16	7.12	103/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
74	DH31703840	Nguyễn Tấn	Nhân	D17_DDT03																						6.14	5.83	6.00	8.05	6.85	10.00	7.89	7.17	106/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
75	DH31703885	Đỗ Minh	Nhựt	D17_DDT03																						4.90	4.79	4.60	5.53	5.57	5.00	6.26	5.62	92/108	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
76	DH31703935	Võ Minh	Phát	D17_DDT03																						5.86	5.08	0.00	5.58	5.60	6.00	7.18	6.10	107/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
77	DH31702132	Đặng Chí	Phong	D17_DDT03																						6.10	4.13		5.68	6.11	7.50	6.36	6.20	107/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
78	DH31704014	Ngô Thanh	Quốc	D17_DDT03																						5.10	5.88	6.00	5.84	6.50		6.96	6.32	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
79	DH31704075	Nguyễn Văn	Sơn	D17_DDT03																						4.95	5.58	4.00	6.47	5.81	4.00	6.77	6.11	100/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
80	DH31704082	Trương Ngọc	Sơn	D17_DDT03																						5.52	5.83	6.00	6.89	6.11		7.05	6.33	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
81	DH31704231	Nguyễn Minh	Thuận	D17_DDT03																						3.90	3.71		4.05	3.96		6.27	4.48	61/108	28/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
82	DH31702824	Đỗ Quốc	Tính	D17_DDT03																						6.38	5.71		6.26	5.91		6.33	6.33	102/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
83	DH31702765	Phan Thanh	Toàn	D17_DDT03																						6.29	4.75		6.00	6.29	6.50	7.18	6.46	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
84	DH31701759	Võ Thanh	Trà	D17_DDT03																						5.48	5.63	6.60	6.58	6.44	7.00	6.86	6.49	107/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
85	DH31704413	Đặng Quang	Trường	D17_DDT03																						5.48	6.08		5.77	4.92	8.00	7.11	6.06	104/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
86	DH31703061	Nguyễn Phước	An	D17_DDT04																						5.76	5.21	7.00	6.58	6.32	7.00	6.74	6.34	101/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
87	DH31700448	Bùi Thanh	Bình	D17_DDT04																						4.95	4.92		5.00	4.20	2.36	4.60	5.01	64/108	31/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
88	DH31703123	Huỳnh Phước	Bình	D17_DDT04																						4.52	2.96		5.16	2.28		2.50	3.44	33/108	17/46	CCHV_3	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH17
89	DH31703298	Vũ Văn	Đức	D17_DDT04																						3.86	4.00	4.73	5.89	5.46		6.95	5.48	79/108	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
90	DH31700400	Nguyễn Trọng	Hiếu	D17_DDT04																						4.57	5.04	6.80	5.05	4.28		5.04	5.05	81/108	35/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																												TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
91	DH31702551	Trương Xuân	Hoàng	D17_DDT04																						3.57	4.67	4.11	5.68	5.36		6.90	5.53	79/108	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
92	DH31702312	Lê Phạm Nhật	Huy	D17_DDT04																						4.67	3.63	4.00	5.11	5.64		6.54	5.39	74/108	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
93	DH31703642	Nguyễn Ngọc	Linh	D17_DDT04																						4.62	6.33	7.33	6.89	6.56		7.52	6.74	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
94	DH31700846	Nguyễn Văn	Long	D17_DDT04																						4.71	5.42	5.43	6.16	6.12	4.00	7.32	6.13	101/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
95	DH31703735	Vũ Trường	Mạnh	D17_DDT04																						4.43	4.42	4.20	5.79	5.39	5.00	6.74	5.63	92/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
96	DH31703887	Nguyễn Minh	Nhựt	D17_DDT04																						6.10	6.29	6.00	7.00	6.84		6.63	6.64	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
97	DH31704852	Lương Duy Minh	Thái	D17_DDT04																						5.48	4.96	7.00	6.21	6.28		7.00	6.06	100/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
98	DH31704143	Bùi Văn	Thành	D17_DDT04																						5.57	4.33	7.00	6.58	5.92		7.05	5.90	96/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
99	DH31702298	Đỗ Trung	Thắng	D17_DDT04																						7.24	7.96		7.05	7.56		8.37	7.64	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
100	DH31704281	Trần Minh	Tiến	D17_DDT04																						6.90	7.46		7.42	6.60		7.37	7.16	102/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
101	DH31704292	Trần Nhật	Tín	D17_DDT04																						5.38	3.79	6.14	5.42	2.28		4.15	4.33	55/108	24/46		KoNoHP	KoDKMH	DC	DH17
102	DH31704296	Nguyễn Huỳnh Trọng	Tính	D17_DDT04																						5.29	5.42	6.56	6.37	6.00	7.00	6.74	6.28	99/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
103	DH31701900	Nguyễn Ngọc	Trí	D17_DDT04																						4.57	5.21	5.71	6.05	5.80	6.43	6.84	6.05	102/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
104	DH31700881	Nguyễn Quốc	Trịnh	D17_DDT04																						4.57	5.54	6.57	5.84	6.08	6.00	6.86	6.20	101/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
105	DH31704390	Diệp Quốc	Trung	D17_DDT04																						6.14	6.38	5.86	6.53	6.64		7.16	6.68	103/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
106	DH31704406	Trần Quốc	Trung	D17_DDT04																						6.24	6.46	9.00	5.95	5.92		7.42	6.48	103/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
107	DH31704863	Nguyễn Huỳnh Thanh	Tú	D17_DDT04																						5.90	6.92	7.00	6.68	5.84		7.26	6.60	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
108	DH31700131	Bùi Quốc Minh	Tuấn	D17_DDT04																						4.29	3.13	5.89	5.84	6.07	6.00	6.88	6.24	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
109	DH31702281	Dương Thành	Việt	D17_DDT04																						5.81	7.17	7.00	6.53	6.28		7.68	6.89	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17

Lưu ý:
- Điểm trung bình được tính đến ngày 02/04/2020 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).
- Phòng Đào tạo nhận đơn (trực tiếp hoặc qua email: pdaotao.stu@gmail.com) và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 06/04/2020 đến hết Thứ Năm, ngày 09/04/2020.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C28):
- Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**